

HỆ THỐNG HÀN DẦM TỰ ĐỘNG



Hàn dầm tự động



Hàn dầm hai mỏ



Máy nắn dầm

MÁY ĐÍNH DẦM CHỮ H TỰ ĐỘNG SERIES HZZ

1. Tổng quát



Máy đính dầm tự động sêri HZZ có nhiệm vụ đính bản bụng và bản cánh của dầm với nhau. Có hai công đoạn đính dầm: công đoạn thứ nhất là khi bản bụng và bản cánh dầm được đưa vào con lăn cấp phôi của máy đính thì cơ cấu kẹp sẽ thực hiện định tâm phôi, động cơ truyền động chính sẽ chạy theo chương trình và tốc độ đặt trước, con lăn đẩy phôi sẽ đưa phôi đến khung máy, khung máy sẽ thực hiện định tâm và kẹp chính xác, hệ thống hàn đính tự động sẽ hàn phôi. Công đoạn thứ hai là đưa bản cánh khác vào con lăn đầu ra của máy đính, đảo phôi thành dạng chữ T và đặt nó trên con lăn đầu vào, máy sẽ làm việc theo như công đoạn thứ nhất, rồi kết thúc quá trình hàn đính dầm.

2. Tính năng kỹ thuật

- 2.1 Khung máy sử dụng có 2 cụm cơ cấu định tâm và kẹp bản cánh và bản bụng dầm, giải quyết vấn đề va đập ở phần đuôi của bản bụng dầm trong quá trình làm việc.
- 2.2 Quá trình định vị và kẹp chặt sử dụng dẫn động bằng thủy lực, kẹp đồng thời với tốc độ định tâm nhanh và độ chính xác cao.
- 2.3 Van điều khiển hệ thống thủy lực sử dụng công nghệ điều khiển bằng van chia hiện đại, với kết cấu gọn nhẹ, dễ bảo dưỡng và ít sự cố.
- 2.4 Điều chỉnh đối xứng hai đầu hàn MIG CO₂ tự động, dẫn hướng bằng các con lăn cơ với chất lượng hàn cao.
- 2.5 Sử dụng bộ biến tần và định thời của Đài Loan, điều chỉnh tốc độ cấp phôi vô cấp, thời gian hàn và chiều dài hành trình hàn điều chỉnh tùy ý, với khả năng tự động hoá cao.
- 2.6 Được trang bị 2 cụm giá đỡ bản bụng và cánh dầm để có thể thực hiện định tự động dầm dài hơn.

3. Thông số kỹ thuật

Model	HZZ-1200	HZZ-1500	HZZ-1800
Chiều cao bụng dầm (mm)	200-1200	200-1500	200-1800
Chiều dày bụng dầm (mm)	6-32	6-32	6-32
Chiều rộng bản cánh dầm (mm)	200-600	200-600	200-800
Chiều dày bản cánh dầm (mm)	6-40	6-40	6-40
Chiều dài dầm (mm)	4000-15000	4000-15000	4000-15000
Tốc độ đính (mm/phút)	500-2000	500-2000	500-2000
Băng tải con lăn dẫn phôi vào (mm)	2400x2 (con lăn chủ	2400x2 (con lăn chủ	2400x2 (con lăn chủ
Băng tải con lăn dẫn phôi ra (mm)	2400x1 (con lăn chủ	2400x1 (con lăn chủ	2400x1 (con lăn chủ
Định tâm	Kẹp định tâm bằng thủy	Kẹp định tâm bằng thủy	Kẹp định tâm bằng thủy
Điều chỉnh tốc độ	Bộ biến tần AC	Bộ biến tần AC	Bộ biến tần AC
Công suất vào định mức (KVA)	10 (không kể nguồn hàn)	10 (không kể nguồn hàn)	10 (không kể nguồn hàn)
Hệ thống hàn	Nguồn hàn hồ quang	Nguồn hàn hồ quang	Nguồn hàn hồ quang
Công suất vào của nguồn hàn (KVA)	18.2x2	18.2x2	18.2x2
Điện áp nguồn vào	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz
Kích thước (mm)	2800x2500x3200	2800x2500x3500	2800x2500x3800

MÁY HÀN DẦM TỰ ĐỘNG DƯỚI LỚP THUỐC KIỂU CỔNG SERIES LMZ

1. Tổng quan



Máy hàn dầm tự động dưới lớp thuốc kiểu cổng consol sêri LMZ-2000 được sử dụng chủ yếu để hàn các dầm chữ I có kích thước siêu lớn. Sử dụng quá trình hàn tự động dưới lớp thuốc SAW, gồm hai hệ thống hàn, có thể thực hiện hàn ở tư thế hàn góc với dòng hàn cao, công suất hàn lớn và chất lượng hàn tuyệt hảo.

2. Tính năng kỹ thuật

- 2.1 Khung máy có kết cấu công xôn, đảm bảo độ cứng vững khi hàn các chi tiết cực lớn.
- 2.2 Nguồn hàn và bộ cấp dây là nguồn hàn hồ quang DC sêri ZD5 và bộ cấp dây MZ9 của WEIDA với khả năng làm việc ổn định và độ tin cậy cao.
- 2.3 Được trang bị hệ thống cấp và thu hồi thuốc tự động có thể làm giảm tiêu hao thuốc và nhân công, tăng năng suất.
- 2.4 Hành trình của máy được điều khiển bởi bộ biến tần, dẫn động bằng động cơ AC và điều chỉnh tốc độ vô cấp.
- 2.5 Điều khiển máy và nguồn hàn là thiết kế tổ hợp, dễ thao tác.

3. Thông số kỹ thuật

Model	LMZ-1200	LMZ-1500	LMZ-1800
Chiều cao bụng dầm (mm)	200-1200	200-1500	200-1800
Chiều dày bụng dầm (mm)	6-32	6-32	6-32
Chiều rộng bản cánh dầm (mm)	200-600	200-600	200-800
Chiều dày bản cánh dầm (mm)	6-40	6-40	6-40
Chiều dài dầm (mm)	4000-15000	4000-15000	4000-15000
Tốc độ hàn tiêu chuẩn (mm/phút)	300-1200	300-1200	300-1200
Tốc độ không tải lớn nhất (mm/phút)	2500	2500	2500
Tư thế hàn điều chỉnh tốc độ vô cấp	Hàn góc ở tư thế hàn phẳng	Hàn góc ở tư thế hàn phẳng	Hàn góc ở tư thế hàn phẳng
Đường kính dây hàn (Φmm)	3-5	3-5	3-5
Cuộn dây hàn (kg)	100x2	100x2	100x2
Bộ thu hồi thuốc hàn (lít)	50x2	50x2	50x2
Công suất vào định mức (KVA)	10	10	10
không kể nguồnhàn			
Nguồn hàn	ZD5-1000x2	ZD5-1000x2	ZD5-1000x2
Công suất vào của nguồn hàn (KVA)	98x2	98x2	98x2
Điện áp nguồn vào	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz
Kích thước (mm)	2800x4500x4400	2800x4800x4400	2800x5700x5900

MÁY NẮN DẦM CHỮ H SERIES HYJ-40B

1. Tổng quát

Máy nắn dầm sêri HYJ-40B được dùng để nắn bản bụng và cánh dầm bị biến dạng sau khi hàn, sử dụng cơ cấu con lăn nắn và con lăn dẫn động để đạt được nguyên lý đòn bẩy, bản cánh bị biến dạng được nắn khi đi qua, theo lực nắn được đặt trước lớn hơn điểm uốn của vật liệu cánh dầm và tạo lực đàn hồi nhỏ hơn để nắn cánh dầm bị biến dạng nhiệt.



2. Tính năng kỹ thuật

2.1 Con lăn nắn và con lăn dẫn động bán kính 400mm, bề mặt được tôi cao tần với độ bền gia công cao và khả năng chống mài mòn.

2.2 Động cơ dẫn động chính khởi phát theo chiều dương và âm dùng rơ le điều khiển trễ nhằm tránh hỏng hóc cho bộ phản ứng dẫn động chính và động cơ do khởi phát theo chiều dương và âm của động cơ dẫn động chính.

2.3 Con lăn chủ động dẫn động bộ phản ứng và bộ phản ứng dẫn động con lăn nắn là bộ phản ứng xycloit có công suất dẫn động cao, kết cấu gọn nhẹ, làm việc ổn định và mức ồn thấp.

2.4 Được trang bị con lăn nắn chính và phụ và bộ dẫn hướng tâm được dùng để nắn dầm có sai số kích thước.

2.5 Trên con lăn cấp phôi có một cơ cấu đỡ có thể tránh cho phôi bị lật khi chiều cao phôi là 1.5m - 1.8m.

2. Thông số kỹ thuật

Model	HYJ-40A	HYJ-40B	HYJ-60
Chiều cao bụng dầm (mm)	200-1500	200-1800	450-1500
Chiều rộng bản cánh dầm (mm)	200-600	200-800	200-800
Chiều dày bản cánh dầm (mm)	6-40	6-40	6-40
Chiều dày bụng dầm (mm)			6-32
Vật liệu nắn	Q235	Q235	Q235
Tốc độ nắn (mm/phút)	7500	7500	7500
Băng tải con lăn dẫn phôi vào (mm)	3600x2	3600x2	3600x2
Băng tải con lăn dẫn phôi vào (mm)	3600x2	3600x2	3600x2
Công suất vào định mức (KVA)	10	10	10
Công suất động cơ (kW)			11
Áp suất thủy lực (Mpa)			25
Áp suất của xilanh thủy lực (T)			160
Công suất động cơ bơm thủy lực (kW)			15
Tổng công suất (kW)			23
Điện áp nguồn vào	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz	AC 3phase 380V/50Hz
Kích thước (mm)	3150x1600x1740	3150x1600x1740	